

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH NGHỆ AN

Số: 1125/QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Nghệ An, ngày 24 tháng 4 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án đầu tư khai thác mỏ đất làm vật liệu san lấp tại rú Đỉnh Ngô, xã Hưng Yên Nam, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án đầu tư khai thác mỏ đất làm vật liệu san lấp tại Rú Đỉnh Ngô, xã Hưng Yên Nam, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An và Công văn số 58/TT ngày 12/4/2023 của Công ty Cổ phần Đầu tư Trường Thi về việc đề nghị phê duyệt Báo cáo ĐTM của Dự án đầu tư khai thác đất san lấp tại rú Đỉnh Ngô, xã Hưng Yên Nam, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Công văn số 2504/STNMT-BVMT ngày 18/4/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án đầu tư khai thác mỏ đất làm vật liệu san lấp tại rú Đỉnh Ngô, xã Hưng Yên Nam, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An (sau đây gọi tắt là Dự án) của Công ty Cổ phần Đầu tư Trường Thi làm chủ dự án (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại xã Hưng Yên Nam, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký, ban hành.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng; Giám đốc Công an tỉnh; Chủ tịch UBND huyện Hưng Nguyên; Chủ tịch UBND xã Hưng Yên Nam; Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Trường Thi và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường (để B/c);
- Chủ tịch UBND tỉnh (để B/c);
- Phó Chủ tịch (NN) UBND tỉnh;
- Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh;
- Công TTĐT tỉnh;
- Lưu VT.NN(V).



TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Đệ

**CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ KHAI THÁC MỎ ĐẤT LÀM VẬT LIỆU SAN LẤP
TẠI RÚ ĐÌNH NGÔ XÃ HƯNG YÊN NAM, HUYỆN HƯNG NGUYÊN,
TỈNH NGHỆ AN**

(kèm theo Quyết định số 1125/QĐ-UBND ngày 24/4/2023
của UBND tỉnh Nghệ An)

1. Thông tin về dự án

1.1. Thông tin chung

- Tên dự án: đầu tư khai thác mỏ đất làm vật liệu san lấp tại Rú Đình Ngô, xã Hưng Yên Nam, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An;
- Địa điểm thực hiện: xã Hưng Yên Nam, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An;
- Chủ dự án: Công ty Cổ phần Đầu tư Trường Thi;
- Địa chỉ: số 73, Trần Quang Diệu, khối 16, phường Trường Thi, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An;
- Đại diện: ông Nguyễn Đình Tân, Chức vụ: Giám đốc.

1.2. Phạm vi, quy mô, công suất

- Phạm vi: dự án đã được UBND tỉnh Nghệ An chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư tại Quyết định số 15/QĐ-UBND ngày 30/01/2023; phê duyệt trữ lượng khoáng sản tại Quyết định số 865/QĐ-UBND ngày 05/4/2022 với diện tích 17,54 ha.

- Quy mô dự án:

+ Dự án khai thác trên diện tích 17,54 ha, khu phụ trợ được bố trí trong khu vực ranh giới mỏ hình thức cơ động theo tiến độ sử dụng;

+ Tổng trữ lượng đất san lấp theo Quyết định số 865/QĐ-UBND ngày 05/4/2022 của UBND tỉnh là 2.837.237m³. Mức sâu các khối trữ lượng phê duyệt là +20m.

+ Trữ lượng khoáng sản huy động vào thiết kế khai thác của mỏ là 2.837.237m³;

+ Trữ lượng khai thác: 2.781.219m³.

- Công suất dự án:

+ Giai đoạn 1 (từ năm thứ 1 đến năm thứ 5): công suất khai thác là 400.000m³ đất nguyên khai/năm, tương đương 309.837m³ đất nguyên khối/năm;

+ Giai đoạn 2 (từ năm thứ 6 trở đi): công suất khai thác là 230.000m^3 đất nguyên khai/năm, tương đương 178.156m^3 đất nguyên khối/năm.

- Tuổi thọ dự án: 12,5 năm.

1.3. Công nghệ sản xuất

- Công nghệ khai thác: xúc bốc - vận tải bằng ô tô;

- Lựa chọn hệ thống khai thác: hệ thống khai thác lớp bằng phân khoảnh, vận tải trực tiếp bằng ô tô.

1.4. Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư

1.4.1. Các hạng mục công trình chính

- Mở vĩa: từ điểm A, code +10m, có tọa độ ($X = 2073252\text{ m}$, $Y = 587456\text{ m}$), ở phía Bắc mở tuyến đường hào vận tải lên đến điểm B code +90 m, có tọa độ ($X=2072968\text{m}$; $Y=587580\text{m}$), tạo mặt bằng khai thác đầu tiên tại code+90m. chiều dài tuyến đường 868m, chiều rộng 6m, khối lượng thi công: 92.788m^3 ;

- Tuyến đường vận chuyển ngoại mỏ chiều dài tuyến 270m, chiều rộng mặt 8m, khối lượng thi công: 2.314m^3 ;

- Diện khai thác đầu tiên: được mở tại code +90m phía Bắc khai trường với diện tích 1.260m^2 .

1.4.2. Các hạng mục công trình phụ trợ

- Nhà điều hành: bố trí 01 container (dạng container lắp ghép hoàn thiện - có thể di chuyển) trong phạm vi mỏ tại khu vực giáp ranh cạnh 1 - 9 gần mốc số 9, code +35m, diện tích 50m^2 để phục vụ cho công nhân làm việc trên mỏ. Khối lượng thi công 10m^3 ; có hệ thống điện chiếu sáng khu điều hành và bảo vệ khai trường;

- Trạm cân: lắp đặt trạm cân xe 15 tấn nằm trong khu vực mỏ, tại vị trí công ra vào mỏ. Kiểu cân nổi, kích thước bàn cân $3\text{m} \times 8\text{m}$.

1.4.3. Các hạng mục công trình xử lý chất thải và bảo vệ môi trường

a. Công trình giảm thiểu bụi:

Bẫy nước và điểm xịt rửa bánh xe: xây dựng bẫy nước xịt rửa bánh xe ở khu vực công ra vào khu mỏ tại mốc số 9 phía Tây Bắc dự án, kích thước $12\text{m} \times 6\text{m} \times 0,3\text{m}$.

b. Công trình thu gom, xử lý và thoát nước mưa chảy tràn:

- Xây dựng mương thu gom nước mưa trong mỏ chảy về hồ lắng và dẫn nước từ hồ lắng ra hệ thống kênh mương thoát nước khu vực với tổng chiều dài

1.978m, chiều sâu 1,0m, chiều rộng trên 1,5m, rộng đáy 1,0m. Khối lượng thi công 2.473m^3 ;

- Xây dựng 04 hồ lắng xử lý nước mưa chảy tràn. Hồ lắng nằm trong ranh giới mỏ tại điểm góc số 9; 1; 5 và điểm góc số 7) có diện tích 1.100m^2 , khối lượng đào 3.300m^3 . Hồ lắng được thiết kế gồm 2 ngăn ngăn đặt ngầm, được bê tông hóa từ đáy lên thành hồ lắng, phía trên thành hồ lắng được đắp cao hơn môi trường xung quanh và cố định bằng bê tông:

+ Hồ lắng 1: kích thước $10\text{m} \times 15\text{m} = 150\text{m}^2$, chiều sâu 3m, thể tích 450m^3 được bố trí tại mốc số 9;

+ Hồ lắng 2: kích thước $20\text{m} \times 20\text{m} = 400\text{m}^2$, chiều sâu 3m, thể tích 1.200m^3 được bố trí tại mốc số 1;

+ Hồ lắng 3: kích thước $20\text{m} \times 20\text{m} = 400\text{m}^2$, chiều sâu 3m, thể tích là 1.200m^3 được bố trí tại mốc số 5;

+ Hồ lắng 4: kích thước $10\text{m} \times 15\text{m} = 150\text{m}^2$, chiều sâu 3m, thể tích 450m^3 được bố trí tại mốc số 7.

c. Công trình xử lý nước thải sinh hoạt: bố trí 01 nhà vệ sinh di động kích thước $260 \times 90 \times 135$ (cm), bể chứa chất thải: 350l, bể chứa nước dự trữ: 400l đảm bảo xử lý nước thải phát sinh của 08 người trong giai đoạn khai thác. Định kỳ hợp đồng với đơn vị có chức năng bơm hút, xử lý theo quy định.

d. Mương thu gom và xử lý nước thải vệ sinh xe: xây dựng 01 hồ lắng kích thước $5\text{m} \times 2,5\text{m} \times 2\text{m}$ với thể tích 25m^3 và 01 hồ thu nước ($1\text{m} \times 1\text{m} \times 1\text{m}$) tại khu vực trước cổng ra vào dự án. Hồ lắng này tồn tại suốt tuổi thọ mỏ và nước được tuần hoàn sử dụng lại.

e. Công trình thu gom, xử lý chất thải rắn, chất thải nguy hại:

- Kho chất thải sinh hoạt: được thu gom và phân loại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường 2020 bằng hệ thống thùng chất thải rắn bố trí tại các điểm phát thải: bên cạnh container bố trí 01 kho lưu giữ chất thải sinh hoạt diện tích $2,25\text{m}^2$ (tường bọc kín bằng tôn, nền láng xi măng; có mái che; kích thước $1,5\text{m} \times 1,5\text{m}$) trong đó bố trí 03 thùng composites dung tích 20 lít, có nắp đậy, dán nhãn chất thải sinh hoạt theo phân loại chất thải rắn (chất thải rắn tái chế, chất thải rắn thực phẩm, chất thải rắn khác); bố trí thêm các thùng đựng chất thải rắn sinh hoạt đảm bảo phân loại chất thải tại nguồn gồm chất thải tái chế, chất thải thực phẩm và chất thải khác tại khu vực gần container;

- Công trình bãi lưu giữ đất phủ bề mặt: khu mỏ không bố trí bãi lưu giữ chất thải rắn mà thực hiện vừa khai thác, vừa sử dụng lớp đất phủ, đất bóc để

phục hồi môi trường theo hình thức cuốn chiếu; sinh khối phát sinh chủ yếu là rế cây được thu gom cho người dân làm củi đốt và xử lý hợp vệ sinh;

- Kho lưu giữ chất thải nguy hại: bên cạnh container bố trí 01 kho lưu giữ chất thải nguy hại diện tích $2,25 \text{ m}^2$ (tường bọc kín bằng tôn; có mái che; dán nhãn cảnh báo chất thải nguy hại; kích thước khoảng $1,5 \text{ m} \times 1,5 \text{ m}$; mặt sàn được bê tông hóa để không bị thấm thấu và tránh nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào; đặt ở phía Tây Bắc của mỏ, (gần mốc số 9). Trong đó, bố trí 03 thùng composites dung tích 50 lít, có nắp đậy, dán nhãn chất thải nguy hại theo phân loại.

f. Đê chắn phòng chống sạt lở, đá lăn: xây dựng đê chắn đá lăn bằng đá hộc dài 135m từ điểm số 1 về phía điểm số 9 tiếp giáp khu dân cư về phía Bắc, chiều rộng đáy 3m, chiều rộng đỉnh 2m, chiều cao 2m. Đào vách núi và đắp đê hình thành đê chắn với khối lượng đào là $1.042,2 \text{ m}^3$.

1.5. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường

- Theo địa hình dự án tác động chủ yếu về khu vực phía Bắc dự án. Khoảng cách từ dự án tới khu dân cư và khu vực có yếu tố nhạy cảm về môi trường điểm gần nhất khoảng 50m;

- Đoạn đường vào khu vực mỏ có một số hộ dân ở phía 2 bên đường vận chuyển. Hiện trạng chất lượng đường là đường đất đá cấp phối rộng mặt 7 m;

- Phía Tây khu vực mỏ có cách 15m là mỏ đá của Công ty Cổ phần khoáng sản Golden City.

2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư có khả năng tác động xấu đến môi trường

2.1. Giai đoạn xây dựng

Hoạt động giải phóng mặt bằng, thi công xây dựng khu vực phụ trợ: tác động đến môi trường không khí, môi trường nước mặt, môi trường đất khu vực dự án. Bụi, tiếng ồn và chất thải nguy hại phát sinh từ hoạt động của máy móc thi công, vận chuyển nguyên vật liệu xây dựng có khả năng ảnh hưởng đến chất lượng không khí khu vực. Việc tập trung công nhân trong giai đoạn xây dựng phát sinh chất thải sinh hoạt và nước thải sinh hoạt có khả năng tác động đến môi trường nước mặt, môi trường đất khu vực dự án.

2.2. Giai đoạn khai thác

- Hoạt động từ quá trình khai thác phát sinh bụi, khí thải có khả năng tác động đến chất lượng không khí khu vực dự án. Quá trình khai thác phát sinh đất phủ bề mặt có khả năng tác động đến môi trường đất, môi trường nước khi nước mưa chảy tràn chảy qua khu vực dự án. Hoạt động của cán bộ công nhân viên phát sinh chất thải rắn sinh hoạt, nước thải sinh hoạt và một số chất thải nguy hại;

- Hoạt động vận chuyển phát sinh bụi, khí thải có khả năng tác động đến chất lượng không khí khu vực tuyến đường vận chuyển.

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của dự án đầu tư:

3.1. Nước thải, khí thải

3.1.1. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của nước thải:

a. Giai đoạn xây dựng:

- Nước mưa chảy tràn: chảy qua khu vực dự án phát sinh khoảng 10.620 m³/ngày; thành phần chủ yếu nước mưa cuốn theo chất rắn lơ lửng trên bề mặt, đất, đá, ...;

- Nước thải sinh hoạt: của công nhân thi công phát sinh khoảng 0,2 m³/ngày; thành phần chủ yếu gồm các chất cặn bã, chất lơ lửng (SS), các hợp chất hữu cơ (BOD/COD), các chất dinh dưỡng (N, P) và vi sinh vật gây bệnh;

- Nước thải xây dựng: phát sinh khoảng 2,5 m³/ngày; thành phần chứa nhiều cặn lơ lửng, vôi vữa, xi măng, có độ pH cao.

b. Giai đoạn khai thác:

- Nước mưa chảy tràn: chảy qua khu vực dự án phát sinh khoảng 10.620 m³/ngày; thành phần chủ yếu nước mưa cuốn theo chất rắn lơ lửng trên bề mặt, đất, đá, cát...;

- Nước thải sinh hoạt: của công nhân trên mỏ phát sinh khoảng 0,2 m³/ngày; thành phần chủ yếu gồm các chất cặn bã, chất lơ lửng (SS), các hợp chất hữu cơ (BOD/COD), các chất dinh dưỡng (N, P) và vi sinh vật gây bệnh;

- Nước thải từ các hoạt động khác: chủ yếu là chùi rửa máy móc và tưới ẩm, phát sinh khoảng 6,5m³/ngày, nước thải này chủ yếu chứa các chất lơ lửng (SS), dầu mỡ từ quá trình sửa chữa, rửa xe... Nồng độ hàm lượng chất rắn lơ lửng trong nước thải thấp.

3.1.2. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của bụi, khí thải

- Giai đoạn xây dựng: bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động đào đắp, san nền, tập kết nguyên vật liệu, phương tiện vận chuyển, lắp ghép công trình phụ trợ và từ hoạt động của máy móc, thiết bị vận tải, thi công tại công trường; thành phần chủ yếu bụi, NO₂, SO₂, CO, VOC,...;

- Giai đoạn khai thác: bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động khai thác đất san lấp, phương tiện vận chuyển đất san lấp đi tiêu thụ và từ hoạt động của máy móc, thiết bị vận tải, thi công tại mỏ; thành phần chủ yếu bụi, NO₂, SO₂, CO, VOC,...

3.2. Chất thải rắn, chất thải nguy hại

3.2.1. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của chất thải rắn

a. Giai đoạn xây dựng:

- Chất thải rắn xây dựng: sinh khối phát quang với khối lượng 1.075,2 tấn; đất tầng phủ với khối lượng 2.202,2m³; lượng đất phát sinh từ trong quá trình san gạt và làm đường, đào hố lãng và mương thoát nước với khối lượng 73.480 m³; thành phần chủ yếu sinh khối phát quang (cây bụi, cỏ dại, cành lá cây,...), đất tầng phủ (sét, bột, sạn dăm vụn lẫn rễ cây, mùn hữu cơ), chất thải từ hoạt động thi công (bùn, đất, đá,...);

- Chất thải rắn sinh hoạt của công nhân: khối lượng phát sinh 2,4 kg/ngày; thành phần gồm chất thải rắn có khả năng tái sử dụng, tái chế (có nguồn gốc từ nhựa, kim loại); chất thải thực phẩm (rau, củ quả, thức ăn thừa); chất thải rắn sinh hoạt khác (ni lon, hộp xốp, vỏ chai thủy tinh...).

b. Giai đoạn khai thác:

- Chất rắn công nghiệp thông thường: sinh khối phát quang từ thảm thực vật với khối lượng 16.438,89m³; đất mặt bóc phủ với khối lượng 32.877,8m³; chất thải rắn từ quá trình nạo vét hố lãng và mương thoát nước với khối lượng 307,8 m³/lần nạo vét; thành phần chủ yếu sinh khối phát quang (cây bụi, cỏ dại, cành lá cây,...), đất tầng phủ (sét, bột, sạn dăm vụn lẫn rễ cây, mùn hữu cơ), bùn thải từ vét hố lãng và mương thoát nước;

- Chất thải rắn sinh hoạt: phát sinh từ sinh hoạt của công nhân khoảng 2,4 kg/ngày; thành phần gồm chất thải rắn có khả năng tái sử dụng, tái chế (có nguồn gốc từ nhựa, kim loại); chất thải thực phẩm (rau, củ quả, thức ăn thừa); chất thải rắn sinh hoạt khác (nylon, hộp xốp, vỏ chai thủy tinh...).

3.2.2. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của chất thải nguy hại.

- Giai đoạn xây dựng: phát sinh từ hoạt động của công nhân và máy móc khu vực khai trường với thành phần, khối lượng: dầu nhớt thải (Mã chất thải 15 02 05) phát sinh 12 lít/quý; lượng giẻ lau chùi máy (Mã chất thải 18 02 02): 8kg/quý; lượng bóng đèn huỳnh quang (Mã chất thải 16 01 06): 1,5 kg/quý;...;

- Giai đoạn khai thác: phát sinh từ hoạt động của công nhân và máy móc khu vực khai trường với thành phần, khối lượng: dầu nhớt thải (Mã chất thải 15 02 05) phát sinh 24 lít/quý; lượng giẻ lau chùi máy (Mã chất thải 18 02 02) 16kg/quý; lượng bóng đèn huỳnh quang (Mã chất thải 16 01 06) 1 kg/quý;...

3.3. Tiếng ồn, độ rung

- Tiếng ồn do máy móc hoạt động khai thác, vận chuyển. Tiếng ồn phát ra từ động cơ và của các bộ phận của xe, máy, cường độ âm thanh thường nằm ở

mức trung bình khoảng $65 \div 70$ dBA. Theo quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn QCVN 26:2010/BTNMT giới hạn tối đa cho phép về tiếng ồn ở khu vực thông thường từ 6h-21h là 70dBA từ 21h-6h là 55dBA;

- Độ rung do các loại máy móc hoạt động khai thác, vận chuyển: độ rung chủ yếu tác động trong khu vực mỏ và trên tuyến đường vận chuyển. Theo quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về độ rung QCVN 27:2010/BTNMT giới hạn tối đa cho phép về độ rung ở khu vực thông thường từ 6h-21h là 75 dB từ 21h-6h là mức nền.

3.4. Các tác động khác

- Tác động đến cảnh quan, hệ sinh thái trong khu vực: quá trình thi công xây dựng các hạng mục công trình làm cho địa hình biến dạng bề mặt nên sẽ làm thay đổi cảnh quan ban đầu;

- Các tác động đến các khu vực nhạy cảm về môi trường:

+ Tác động đến cuộc sống khu dân cư xóm 4 và xóm 8, xã Hưng Yên Nam về phía Bắc và phía Nam, mỏ đá của Công ty Cổ phần khoáng sản Golden City cách khu mỏ 15m về phía Tây;

+ Mâu thuẫn giữa công nhân với người dân địa phương; ảnh hưởng bụi, tiếng ồn đến người dân ở tuyến đường vận chuyển;

- Các rủi ro, sự cố có thể xảy ra: sự cố sạt lở đất, đá lăn; sạt lở hồ lắng, sự cố tai nạn lao động; sự cố cháy nổ, cháy rừng.

4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án đầu tư

4.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải

4.1.1. Đối với thu gom và xử lý nước thải

* Giai đoạn xây dựng

- Nước mưa chảy tràn:

+ Thi công cuốn chiếu các hạng mục công trình, làm đến đâu xong đến đó, gia cố mặt bằng, taluy chống xói lở, rửa trôi;

+ Đầm nén mặt bằng kịp thời chống lầy hóa, rửa trôi;

+ Không hoạt động xây dựng, san gạt vào những ngày mưa.

- Xây dựng 04 hồ lắng xử lý nước mưa chảy tràn. Hồ lắng nằm trong ranh giới mỏ (tại các điểm góc số 9; 1; 5; 7) có diện tích $1.100m^2$. Hồ lắng được thiết kế gồm 2 ngăn đặt ngầm, được bê tông hóa từ đáy lên thành hồ lắng, phía trên thành hồ lắng được đắp cao hơn môi trường xung quanh và cố định bằng bê tông:

+ Hồ lắng 1: kích thước $10\text{m} \times 15\text{m} = 150\text{m}^2$, chiều sâu 3m, thể tích 450m^3 được bố trí tại mốc số 9;

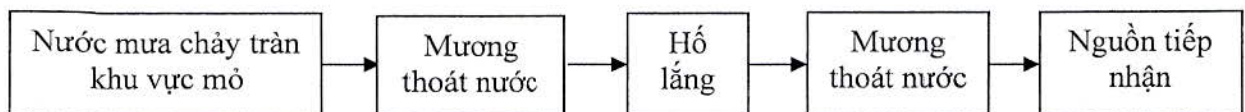
+ Hồ lắng 2: kích thước $20\text{m} \times 20\text{m} = 400\text{m}^2$, chiều sâu 3m, thể tích 1.200m^3 được bố trí tại mốc số 1;

+ Hồ lắng 3: kích thước $20\text{m} \times 20\text{m} = 400\text{m}^2$, chiều sâu 3m, thể tích là 1.200m^3 được bố trí tại mốc số 5;

+ Hồ lắng 4: kích thước $10\text{m} \times 15\text{m} = 150\text{m}^2$, chiều sâu 3m, thể tích 450m^3 được bố trí tại mốc số 7;

+ Đào hệ thống rãnh thoát nước mưa dài 1.978m; sâu 1,0m; rộng trên 1,5m; rộng đáy 1,0m để thu gom nước chảy tràn trên mả về các hồ lắng để xử lý cặn lắng bùn trước khi hòa vào hệ thống thủy văn của khu vực;

+ Vào mùa mưa, những ngày mưa thì dừng hoạt động khai thác, phải thường xuyên theo dõi diễn biến của thời tiết để kịp thời ứng phó. Tuân thủ phương án phòng chống bão lũ của địa phương và kịp thời di chuyển máy móc, trang thiết bị cũng như con người về khu dân dụng để tránh thiệt hại có thể xảy ra. Tổ chức nạo vét hệ thống mương thu gom và thoát nước mưa trước và sau mưa.



* Giai đoạn khai thác

- Đối với nước mưa chảy tràn:

+ Duy trì vận hành tốt hệ thống thoát nước mưa khu vực mả gồm mương thoát nước, hồ lắng đã được xây dựng trong giai đoạn xây dựng cơ bản;

+ Tổ chức kiểm tra, nạo vét hệ thống mương trước và sau mùa mưa. Đối với hồ lắng xem xét mức độ bồi lắng theo thực tế để nạo vét. Thường xuyên kiểm tra và gia cố bờ hồ lắng kịp thời nhất là trước mùa mưa. Khơi mương nước ở chân taluy, sườn tầng để hướng dòng chảy theo chủ ý và hạn chế nước mưa chảy qua mặt moong;

+ Nước mưa chảy tràn từ khu vực khai thác một phần thoát tự nhiên theo địa hình và hệ thống mương, rãnh, hào sau đó thoát về hồ lắng và lắng cặn trước khi sử dụng để tưới ẩm hoặc các công tác khác;

+ Nước thải sau khi thu gom về hồ lắng được lắng cặn xử lý. Nước thải từ các hồ lắng thoát ra ngoài môi trường bằng phương pháp tràn tự chảy theo mương thoát nước khu vực dọc đường liên xóm phía Bắc và phía Nam dự án

theo hệ thống mương thoát nước dọc đường liên xã Hưng Yên Nam chảy về sông Cẩm;

+ Dừng hoạt động khai thác vào mùa mưa và những ngày mưa. Thường xuyên kiểm tra bờ moong, bờ hồ lắng đề phòng sạt lở bờ mỏ, taluy đường do mưa lớn.

- Đối với nước thải sinh hoạt: tiếp tục sử dụng nhà vệ sinh di động đã lắp đặt trong giai đoạn xây dựng.

- Yêu cầu bảo vệ môi trường:

Xây dựng hệ thống thu gom, xử lý nước thải, nước mưa trước khi thực hiện các hoạt động vận hành chính thức, đảm bảo toàn bộ nước thải phát sinh trong quá trình thực hiện dự án được thu gom đáp ứng các yêu cầu an toàn vệ sinh môi trường theo quy định tại Nghị định 80/2014/NĐ-CP ngày 06/8/2014 của Chính phủ về thoát nước và xử lý nước thải; Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường.

4.1.2. Đối với xử lý bụi, khí thải

* Giai đoạn xây dựng cơ bản

- Bụi, khí thải từ hoạt động thi công xây dựng cơ bản:

+ Thi công cuốn chiếu các hạng mục công trình, làm đến đâu xong đến đó, đầm nén chặt, không làm toai đất trên diện rộng để giảm thiểu diện tích nguồn phát bụi;

+ Trang bị đầy đủ trang thiết bị bảo hộ lao động đặc biệt là khẩu trang chống bụi cho công nhân thi công trực tiếp;

+ Xây dựng bể tràn rửa xe tại công ra vào trên đường nội mỏ (phía Tây Bắc khu mỏ): kết cấu bằng bê tông xi măng: chiều dài 12m; rộng 6m; chiều sâu 0,3m để rửa sạch bánh xe, hệ thống bơm vòi xịt rửa sạch thành xe, bánh xe trước khi đi ra khỏi mỏ;

+ Vệ sinh tưới ẩm đường vận chuyển nội mỏ, các bãi san gạt nhiều bụi, các bãi xúc bốc và những vị trí nhiều bụi khác. Việc tưới ẩm dập bụi được thực hiện bằng xe tưới nước 2 lần/ngày căn cứ vào các vị trí nhiều bụi, cường độ phát sinh bụi và điều kiện thời tiết. Lượng nước dùng để tưới ẩm khoảng 4 m³/ngày;

+ Kiểm tra thường xuyên và bảo dưỡng định kỳ máy móc thi công để giảm bớt ô nhiễm do khí thải.

- Bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động vận chuyển:

+ Khi chuyên chở đất các xe vận tải phải có bạt phủ kín thùng xe; không chở đất vượt khỏi thành xe tránh rơi vãi, gây bụi;

- + Không chở quá tải làm ảnh hưởng đến chất lượng đường nội mỏ;
- + Gia cố, làm sạch đường vận chuyển thường xuyên để tránh phát sinh bụi vào mùa nắng và bùn lầy vào mùa mưa;
- + Bảo dưỡng các phương tiện chuyên chở đảm bảo tiêu chuẩn khí thải theo quy định;
- + Các phương tiện hạn chế nổ máy trong thời gian dừng chờ bốc xúc vật liệu.

* Giai đoạn khai thác

- Bụi, khí thải từ hoạt động khai thác
- + Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động cho công nhân bao gồm khẩu trang chống bụi, áo quần, mũ bảo hộ lao động;
- + Thực hiện biện pháp làm sạch lớp xe, vỏ thân xe để giảm thiểu tác động của bụi như sau: trên tuyến đường vận chuyển khi ô tô vận chuyển tới cổng ra vào mỏ tiến hành sử dụng bơm xịt làm sạch lớp xe, vỏ thân xe để giảm thiểu tác động của bụi cuốn theo từ lớp xe, được bố trí trên tuyến đường vận chuyển. Lượng nước phát sinh do quá trình làm sạch lớp xe vận chuyển chảy theo mương thoát nước đường vận chuyển nội mỏ vào hồ lắng nước mưa chảy tràn lắng cặn rồi mới thoát ra môi trường ngoài;
- + Thi công làm đường bê tông tuyến đường vận chuyển đoạn qua nhà dân để giảm thiểu tác động do bụi vào ngày nắng và bùn lầy vào mùa mưa;
- + Không xúc bốc sản phẩm vượt quá thùng xe, vượt quá trọng tải quy định của xe; chỉ xúc bốc lên phương tiện đủ điều kiện vận tải, tránh rơi vãi gây ô nhiễm môi trường;
- + Xe vận chuyển phải có bạt che phủ thùng xe trong quá trình vận chuyển đất san lấp đi tiêu thụ;
- + Thường xuyên duy tu, bảo dưỡng đường vận chuyển mỏ như gia cố đường, lu lèn tạo mặt phẳng bề mặt...để tránh phát sinh bụi vào mùa nắng nóng, khô hanh và bùn lầy vào mùa mưa;
- + Tiếp tục sử dụng bể tràn rửa xe trong giai đoạn xây dựng để rửa sạch bánh xe, hệ thống bơm vòi xịt rửa thành xe trước khi đi ra khỏi mỏ;
- + Vệ sinh, tưới ẩm đường vận chuyển nội mỏ, các bãi san gạt nhiều bụi, các bãi xúc bốc và những vị trí nhiều bụi khác, đặc biệt là đoạn qua khu vực dân cư, sân thể thao. Tần suất tưới ẩm là khoảng 2 lần/ngày tùy theo điều kiện thời tiết và hiện trạng đường vận chuyển. Lượng nước tiêu hao khoảng 4m³/lần;

+ Chỉ hoạt động khai thác 8h/ngày (buổi sáng từ 7h - 11h00), buổi chiều từ 13h30 - 17h30), tắt các phương tiện hoạt động khi không cần thiết. Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động cho công nhân bao gồm khẩu trang chống bụi, áo quần, mũ bảo hộ lao động.

- Bụi, khí thải từ hoạt động vận chuyển đất san lấp:

+ Sử dụng nhiên liệu có gốc xuất xứ rõ ràng và đảm bảo tiêu chuẩn chất lượng theo quy định để hạn chế lượng khí thải phát sinh;

+ Không vận chuyển đất vào các giờ cao điểm và ban đêm, hạn chế ảnh hưởng tới sinh hoạt người dân;

+ Phân luồng tuyến đường giao thông vận chuyển đoạn ra vào dự án nhằm hạn chế ách tắc tuyến đường, quá trình vận chuyển qua những khúc cua ngoặt phải giảm tốc độ và có tín hiệu còi để hạn chế tối đa tai nạn giao thông.

4.2. Các công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại

4.2.1. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường và chất thải sinh hoạt

* Giai đoạn xây dựng cơ bản

- Chất thải rắn sinh hoạt:

+ Ưu tiên sử dụng lao động tại địa phương, không bố trí lán trại tại khu vực dự án;

+ Bố trí 03 thùng chất thải rắn có ghi tên loại chất thải rắn để phân loại chất thải rắn: các loại chất thải rắn có thể tái chế để bán phế liệu như túi nilon, chai lọ, giấy,... tập trung để vận chuyển ra điểm mua thu gom để bán; các loại chất thải rắn không thể tái sử dụng để bán phế liệu chủ yếu là chất thải thực phẩm: hợp đồng với đơn vị thu gom chất thải rắn đưa đi xử lý tại bãi tập kết chất thải rắn tập trung.

- Chất thải rắn công nghiệp thông thường

+ Chất thải sinh khối phát quang bao gồm các nhóm cây bụi, dây leo được phân loại và xử lý như sau: các cây thân gỗ nhỏ, cành cây, lá cây, rễ cây cho các hộ dân tận dụng làm củi; phần còn lại không xử lý được sẽ tiến hành hợp đồng chuyên chở đến bãi xử lý chất thải để xử lý. Tuyệt đối không sử dụng biện pháp đốt sinh khối phát quang, nhằm tránh xảy ra tình trạng cháy rừng;

+ Chất thải rắn phát sinh trong quá trình đào đắp, san gạt, thi công công trình: chất thải rắn phát sinh là đất tại từng hạng mục công trình sử dụng luôn

cho công trình đó như thi công tuyến đường mở mở, san gạt tạo mặt bằng khu phụ trợ,...

*** Giai đoạn khai thác**

- Chất thải rắn sinh hoạt: bố trí 03 thùng chất thải rắn có ghi tên loại chất thải rắn để phân loại. Các loại chất thải rắn có thể tái chế để bán phế liệu như túi nilong, chai lọ, giấy... thì tập trung để vận chuyển ra điểm mua thu gom để bán; các loại chất thải không thể tái chế: hợp đồng với đơn vị thu gom chất thải rắn đưa đi xử lý tại bãi tập kết chất thải rắn tập trung;

- Chất thải rắn công nghiệp thông thường phân loại tại nguồn như sau:

+ Chất thải sinh khối phát quang: phát quang cuốn chiếu, song song trong quá trình khai thác; thực vật phát quang thân gỗ lớn được bán cho các doanh nghiệp sản xuất sản phẩm làm gỗ, giấy; các cây thân gỗ nhỏ, cành cây, lá cây, rễ cây cho các hộ dân tận dụng làm củi; phần còn lại không xử lý được sẽ tiến hành hợp đồng chuyên chở đến bãi xử lý chất thải để xử lý. Tuyệt đối không sử dụng biện pháp đốt sinh khối phát quang, nhằm tránh xảy ra tình trạng cháy rừng;

+ Đối với chất thải rắn là đất mặt bóc phủ: thực hiện vừa khai thác vừa sử dụng lớp đất phủ, đất bóc để phục hồi môi trường theo cuốn chiếu.

- Chất thải rắn từ quá trình nạo vét hồ lắng và mương thoát nước: định kỳ thực hiện nạo vét (01 lần/năm). Đặc biệt sau những đợt mưa, sẽ tiến hành kiểm tra, có thể tiến hành nạo vét khơi thông hệ thống mương, hồ lắng. Lượng bùn nạo vét được thu gom và sử dụng cải tạo phục hồi môi trường theo cuối chiếu.

- Yêu cầu về bảo vệ môi trường:

Thu gom, lưu giữ, vận chuyển và xử lý toàn bộ các loại chất thải thông thường và chất thải sinh hoạt trong quá trình thi công xây dựng và khai thác Dự án đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và tuân thủ các quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường.

4.2.2. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại:

- Giai đoạn xây dựng:

+ Không thay dầu máy móc tại khu vực mỏ mà đưa ra cơ sở sửa chữa thay dầu mỡ;

+ Trong điều kiện phải sửa chữa máy móc tại chỗ thì phải trải bạt hứng dầu rò rỉ, thu gom hết dầu mỡ cạn, giặt lau dính dầu mỡ đem bảo quản đúng nơi quy định chờ xử lý;

+ Xây dựng kho chứa chất thải nguy hại có mái che, có cửa khóa và được cấm biển cảnh báo để chứa các loại chất thải nguy hại phát sinh với diện tích 2,25m², được bố trí trong khu vực phụ trợ;

+ Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại.

- Giai đoạn khai thác:

+ Quản lý chặt chẽ nguồn đầu vào đối với các loại dầu máy, mỡ bôi trơn;

+ Giảm thiểu tối đa việc sửa chữa xe, máy móc công trình tại khu vực khai trường. Nếu phải sửa chữa máy móc tại chỗ thì phải trải bạt hứng dầu rò rỉ, thu gom hết dầu mỡ cặn, giặt lau dính dầu mỡ đem bảo quản đúng nơi quy định chờ xử lý;

+ Bố trí thùng chứa dầu nhớt thải và sử dụng để bôi trơn bánh xích của xe máy cơ giới và các thiết bị khác;

+ Sử dụng thùng thu gom riêng, dán mã đối với từng loại chất thải nguy hại;

+ Sử dụng kho lưu trữ chất thải nguy hại đã xây dựng trong giai đoạn xây dựng cơ bản để lưu giữ chất thải nguy hại phát sinh;

+ Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại.

- Yêu cầu về bảo vệ môi trường:

Thu gom, lưu giữ, vận chuyển và xử lý toàn bộ các loại chất thải nguy hại trong quá trình thi công xây dựng và khai thác Dự án đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và tuân thủ các quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường.

4.3. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung

- Trang bị bảo hộ lao động, thiết bị chống ồn cho công nhân;

- Sử dụng các loại máy móc đảm bảo theo quy chuẩn và được kiểm định, đúng công suất nhằm hạn chế tiếng ồn, độ rung;

- Bố trí thời gian khai thác, vận chuyển vào ban ngày (từ 6h - 18h), không khai thác, vận chuyển về đêm;

- Quy chuẩn áp dụng: QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn và QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

4.4. Các biện pháp, công trình bảo vệ môi trường khác

4.4.1. Phương án cải tạo, phục hồi môi trường

a. Cải tạo đai bảo vệ, khai trường khi kết thúc khai thác

- Sử dụng 33.259,8 m³ đất tầng phủ; 382 m³ đất đào mương thoát nước; 69 m³ đất nạo vét mương thoát nước; mua 15.761,2 m³ đất màu để cải tạo, phục hồi môi trường theo cuốn chiếu, trong đó:

+ Phần đáy mỏ có địa hình bằng phẳng ở các cao độ +20m, +47m, +87m với diện tích 5,874 ha; thực hiện đổ lớp đất với chiều dày 0,7m, khối lượng đất màu sử dụng là 17.622 m³;

+ Phần đai bảo vệ có tổng diện tích 0,796 ha (trong đó đai bảo vệ trên bờ mỏ là 0,47ha, đai bảo vệ trên đáy mỏ là 0,326ha); thực hiện đổ lớp đất với chiều dày 0,7m, khối lượng đất màu sử dụng là 5.572 m³;

+ Thực hiện lấp 02 hố lũng số 2 (tại mốc số 1) và hố lũng số 3 (tại mốc số 5) với khối lượng đất màu sử dụng là 2.400 m³.

- Trồng cây keo lá tràm phủ xanh khu vực đai bảo vệ và đáy mỏ với mật độ trồng là 2.500 cây/ha (trong đó trồng dặm 40% diện tích và chăm sóc cây trồng trong 4 năm đầu) trên diện tích 6,67ha (trong đó đáy mỏ là 5,874ha, đai bảo vệ là 0,796 ha).

- Thời điểm thực hiện: khai thác đến đâu, thực hiện đến đó.

b. Cải tạo bờ taluy moong khai thác

- Thực hiện vãi 681 kg hạt cỏ trên 13,623 ha bờ taluy.

- Thời điểm thực hiện: khai thác đến đâu, thực hiện đến đó.

c. Cấm biển báo nguy hiểm

- Làm biển báo nguy hiểm cấm tại những khu vực nguy hiểm ngay từ khi bắt đầu khai thác. Tổng số lượng biển báo là 17 biển báo, các biển cách nhau 100m;

- Biển báo được làm bằng bê tông cốt thép hình chữ nhật, kích thước 0,6x1m, trụ bằng bê tông cốt thép cao 2,7m;

- Lắp hàng rào thép gai xung quang khu vực dự án với chiều dài 1.693m; trụ bằng bê tông cốt thép cách nhau 5m cao 2,7m; lưới thép gai đan bằng các dây thép gai cách nhau 25cm, chiều rộng lưới 1,5m;

- Thời điểm thực hiện: khai thác đến đâu, thực hiện đến đó.

d. Khu vực phụ trợ phục vụ khai thác

- Tháo dỡ các hạng mục công trình, thiết bị không còn mục đích sử dụng và làm sạch mặt bằng: tháo dỡ và di nhà Container, kho chất thải rắn và chất thải nguy hại,... với khối lượng 10 tấn; tháo dỡ trạm cân với khối lượng 15 tấn;

- Thời điểm thực hiện: khi kết thúc khai thác.

e. Cải tạo tuyến đường giao thông

Khi kết thúc khai thác, tiến hành cải tạo tuyến đường vận chuyển để trả lại cho địa phương. Tuyến đường dài 270m, rộng 3m, diện tích cải tạo là 810m². Tiến hành lấy đất đá của mỏ đổ bổ sung, lu lèn tạo độ ổn định cho đường giao thông;

Thời điểm thực hiện: khi kết thúc khai thác.

f. Dự toán kinh phí cải tạo, phục hồi môi trường và phương thức ký quỹ

- Tổng kinh phí cải tạo, phục hồi môi trường: 2.822.877.000 (đồng);

(Bằng chữ: Hai tỷ, tám trăm hai mươi hai triệu, tám trăm bảy mươi bảy ngàn đồng)

- Số lần ký quỹ 12 lần, cụ thể:

+ Số tiền ký quỹ lần đầu là: 564.575.400 (đồng);

+ Từ lần thứ 2 đến lần thứ 12, mỗi lần ký quỹ với số tiền là: 205.300.145 đồng (chưa bao gồm yếu tố trượt giá).

- Thời điểm: thực hiện ký quỹ lần đầu tiên trước ngày đăng ký bắt đầu xây dựng cơ bản mỏ. Thực hiện ký quỹ từ lần thứ hai trở đi phải thực hiện trong khoảng thời gian không quá 07 ngày, kể từ ngày cơ quan có thẩm quyền công bố chỉ số giá tiêu dùng của năm trước năm ký quỹ;

- Đơn vị nhận ký quỹ: Quỹ Bảo vệ môi trường Nghệ An.

4.4.2. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường

- Biện pháp quản lý, phòng ngừa sự cố do xói mòn, trượt lở:

+ Xây dựng hào chắn đá lăn bằng đất dọc ranh giới mỏ tiếp giáp với khu dân cư xóm 4, xã Hưng Yên Nam về phía Bắc đã xây dựng đảm bảo ngăn ngừa đá mỏ rơi từ sườn núi xuống trong quá trình khai thác. Kè chắn dài 135 m, chiều rộng mặt đáy là 3,0m, chiều rộng mặt đỉnh là 2,0m, chiều cao là 2,0m;

+ Thi công các hạng mục công trình đúng thiết kế, nhất là công tác đầm nén mặt bằng kỹ, tránh hiện tượng sụt lún, lở đất;

+ Thường xuyên theo dõi dự báo thời tiết để thực hiện các biện pháp đảm bảo an toàn cho các công trình tại mỏ trước những điều kiện thời tiết bất thường;

+ Thường xuyên kiểm tra bờ mỏ, taluy đường, phát hiện nơi xung yếu để tiến hành gia cố và xử lý ngay;

+ Khai thác đến đâu tiến hành củng cố bờ moong đến đó để tránh xói mòn, trượt lở khi có mưa.

- Biện pháp quản lý, phòng ngừa sự cố tai nạn lao động: tuân thủ pháp luật về an toàn lao động.

- Biện pháp quản lý, phòng ngừa sự cố cháy nổ, cháy rừng: tuân thủ các quy định của pháp luật về phòng chống cháy nổ;

- Phòng chống sự cố sạt lở bờ hồ lắng: hồ lắng ở sườn núi rất dễ bị sạt lở, tràn hồ lắng do mưa, nên cần thường xuyên kiểm tra phát hiện nơi xung yếu phải gia cố ngay, phát hiện phải xử lý ngay.

4.4.3. Các công trình, biện pháp khác

* Các biện pháp bảo vệ môi trường khác như sau:

- Kiểm soát tốt các loại chất thải, không gây ô nhiễm môi trường, không để xảy ra sự cố môi trường;

- Thực hiện nghiêm các quy định về phòng chống cháy nổ, an toàn hóa chất, an toàn lao động, giao thông vận tải...

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của chủ dự án đầu tư:

5.1. Giai đoạn xây dựng

Khuyến khích giám sát môi trường không khí

- Vị trí giám sát: vị trí trước cổng vào dự án;

- Thông số giám sát: Bụi tổng, CO, SO₂, NO₂, tiếng ồn;

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 05:2013/BTNMT, QCVN 26:2010/BTNMT;

- Tần suất giám sát: 03 tháng/1 lần trong giai đoạn thi công.

5.2. Giai đoạn khai thác

- Khuyến khích giám sát môi trường không khí

+ Vị trí giám sát: vị trí trước cổng vào dự án;

+ Thông số giám sát: Bụi tổng, CO, SO₂, NO₂, tiếng ồn;

+ Quy chuẩn so sánh: QCVN 05:2013/BTNMT, QCVN 26:2010/BTNMT;

+ Tần suất giám sát: 03 tháng/1 lần trong giai đoạn thi công.

- Giám sát khác

+ Nội dung: giám sát xói mòn, xói lở, trượt lở, bồi lắng, giám sát cháy nổ, cháy rừng;

+ Vị trí: toàn bộ khu vực mỏ, diện tích rừng liền kề;

+ Thời gian: thường xuyên.

6. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác

Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện các yêu cầu sau:

6.1. Chỉ được triển khai thực hiện Dự án khi được cơ quan có thẩm quyền cho phép chuyển đổi mục đích sử dụng đất và giao đất, cho thuê đất theo quy định.

6.2. Thực hiện nghiêm túc các quy định của pháp luật về đầu tư, xây dựng, đất đai, tài nguyên nước và bảo vệ môi trường trong mọi hoạt động triển khai xây dựng và khai thác mỏ.

6.3. Chịu trách nhiệm về nội dung thiết kế cơ sở; chỉ được xây dựng và khai thác trên diện tích đất theo phạm vi, ranh giới đã được cấp thẩm quyền cho phép.

6.4. Tuân thủ đúng các quy định hiện hành về an toàn lao động, phòng chống cháy, nổ, an toàn hóa chất.

6.5. Thiết lập mô hình quản lý và đảm bảo nguồn lực để các công trình bảo vệ môi trường của Dự án được duy trì, vận hành hiệu quả. Thực hiện chương trình quản lý và giám sát môi trường, các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường khác như đã đề xuất; cập nhật, lưu giữ số liệu quan trắc, giám sát để cơ quan quản lý nhà nước kiểm tra khi cần thiết.

6.6. Điều chỉnh, bổ sung nội dung của dự án đầu tư và báo cáo đánh giá tác động môi trường cho phù hợp với nội dung, yêu cầu bảo vệ môi trường được nêu trong quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường. Lập hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường theo quy định của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/1/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường (nếu thuộc đối tượng).

6.7. Công khai báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt kết quả thẩm định (trừ các thông tin thuộc bí mật của doanh nghiệp theo quy định của pháp luật) và cung cấp thông tin về môi trường theo quy định tại Điều 114 của Luật Bảo vệ môi trường.

6.8. Cam kết thực hiện các nội dung theo đã thỏa thuận, thống nhất với cộng đồng dân cư và UBND xã Hưng Yên Nam.

6.9. Xây dựng, thực hiện kế hoạch ứng phó sự cố chất thải; tổ chức ứng phó sự cố chất thải tại dự án và tham gia ứng phó sự cố chất thải theo sự chỉ huy của cơ quan, người có thẩm quyền./.